

**CHÍNH PHỦ**

Số: 05 /NQ-CP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2025*

**NGHỊ QUYẾT**

**Sửa đổi một số nội dung của Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 và thay thế Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ về huy động nguồn vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài và tỷ lệ vay lại vốn vay nước ngoài của các dự án vùng Đồng bằng sông Cửu Long theo Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu**

**CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ về triển khai Nghị quyết số 16/2023/QH15 ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ và Nghị định số 79/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 97/2018/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04*

tháng 5 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu;

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3 năm 2021 (Nghị quyết số 41/NQ-CP);

Qua rà soát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ về huy động nguồn vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài và tỷ lệ vay lại vốn vay nước ngoài của các dự án vùng Đồng bằng sông Cửu Long theo Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu;

Xét Tờ trình số 8282/TTr-BKHĐT ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Tờ trình số 258/TTr-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2024, Tờ trình số 305/TTr-BTC ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Bộ Tài chính; văn bản số 14016/BTC-QLN ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài chính;

Trên cơ sở kết quả biểu quyết của các Thành viên Chính phủ,

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Sửa đổi Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ như sau:

- Thay thế gạch đầu dòng thứ nhất, điểm a) khoản 5 thành như sau:

“a) Về chủ trương huy động vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài cho mục tiêu phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu:

- Đồng ý chủ trương huy động nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài cho mục tiêu phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu và triển khai theo hình thức tài trợ cho các chương trình, dự án đầu tư cụ thể theo Danh mục, chương trình, dự án được Chính phủ quyết định.”

- Các nội dung khác của Nghị quyết số 41/NQ-CP không thay đổi.

**Điều 2.** Thay thế Nghị quyết số 108/NQ-CP và phê duyệt các nội dung như sau:

1. Các dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài thuộc phạm vi Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 và Nghị quyết này của Chính phủ gồm 26 dự án nêu tại Phụ lục kèm theo về Danh mục các dự án phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu (sau đây gọi là Danh mục dự án); tổng vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài dự kiến khoảng 3,1 tỷ USD.

2. Về cơ chế tài chính đối với vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của các dự án:

a) Đối với các dự án có số thứ tự từ 1 đến 22 tại Danh mục dự án kèm Nghị quyết này:

Tỷ lệ cho vay lại nguồn vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ đối với các địa phương là 10%, áp dụng đối với cả phần trị giá vốn vay tăng thêm (nếu có) trong phạm vi không quá 20% mức vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài đối với từng dự án tại Danh mục dự án.

b) Đối với 02 dự án có số thứ tự 23 và 24 tại Danh mục dự án:

- Đồng ý nguyên tắc cấp phát toàn bộ vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài từ ngân sách trung ương đối với hạng mục nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 61C thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết số 106/2023/NQ-QH ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ. Các địa phương có thể tham gia đóng góp từ nguồn ngân sách của địa phương, nếu có khả năng.

- Đối với các hạng mục đầu tư thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật: áp dụng cơ chế tài chính là Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ và Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang vay lại 10%, ngân sách trung ương cấp phát 90% vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài.

c) Đối với 02 dự án có số thứ tự 25 và 26 tại Danh mục dự án: Áp dụng cơ chế tài chính ngân sách trung ương cấp phát toàn bộ vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài.

3. Nguyên tắc, cơ chế kiểm soát việc điều chỉnh vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của các dự án:

a) Các Bộ, địa phương là cơ quan chủ quản các dự án thuộc Danh mục dự án chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục phê duyệt và tổ chức thực hiện các dự án theo đúng quy định của pháp luật đầu tư công và pháp luật khác có liên quan, bảo đảm hiệu quả và tránh thất thoát.

b) Các dự án cần đảm bảo không thay đổi lớn về quy mô, hướng tuyến, phạm vi đầu tư. Việc điều chỉnh tổng mức vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi được áp dụng trong trường hợp thay đổi đơn giá, định mức, tỷ giá và điều chỉnh nhỏ về quy mô, hướng tuyến, phạm vi đầu tư cho phù hợp với điều kiện thực tế mới. Trường hợp mức vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của từng dự án không vượt quá 20% thì được áp dụng cơ chế tài chính như nêu tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này đối với vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài tăng thêm.

**Điều 3.** Các Bộ: Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân 13 tỉnh, thành phố vùng Đồng bằng sông Cửu Long:

a) Chịu trách nhiệm về sự cần thiết đầu tư và về việc khẩn trương triển khai thủ tục chuẩn bị đầu tư và tổ chức thực hiện các dự án trong phạm vi vốn vay được quy định tại Nghị quyết này theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công và các quy định của pháp luật có liên quan; đảm bảo không có thất thoát, lãng phí, tham nhũng, tiêu cực và lợi ích nhóm, sử dụng vốn đúng mục đích, hiệu quả, phù hợp với khả năng vay, trả nợ và khả năng bố trí vốn đối ứng của địa phương theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Chịu trách nhiệm về sự cần thiết, hiệu quả, phù hợp với quy hoạch.

**Điều 4.** Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo chức năng nhiệm vụ và thẩm quyền được giao tiến hành kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện các dự án, bảo đảm đúng quy định của pháp luật và yêu cầu về mục tiêu, tiến độ, chất lượng dự án; xử lý những vấn đề phát sinh theo thẩm quyền, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đối với những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền.

**Điều 5.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bộ trưởng các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng, An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Các đồng chí Thành viên Chính phủ;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ: KTTH, CN, NN, PL, TH;
- Lưu: VT, QHQT (3). HN. g

**TM. CHÍNH PHỦ**  
**KT. THỦ TƯỚNG**  
**PHÓ THỦ TƯỚNG**



**Bùi Thanh Sơn**



### **Phụ lục**

## **DANH MỤC CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

*(Kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ)*

1. Dự án “03 cầu bắc qua sông Cần Giuộc; sông Vàm Cỏ Đông; sông Vàm Cỏ Tây” vay vốn KEXIM của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An: Vốn vay nước ngoài khoảng 174 triệu USD.
2. Dự án “Tuyến đường bộ ven biển đoạn qua địa phận tỉnh Tiền Giang kết nối với tỉnh Long An và tỉnh Bến Tre (giai đoạn 1)” vay vốn ADB của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang: Vốn vay nước ngoài khoảng 170 triệu USD.
3. Dự án “Xây dựng tuyến đường bộ ven biển kết nối tỉnh Bến Tre với Tiền Giang và Trà Vinh” vay vốn KEXIM của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre: Vốn vay nước ngoài khoảng 221 triệu USD.
4. Dự án “Xây dựng tuyến đường hành lang ven biển trên địa bàn tỉnh Trà Vinh” vay vốn ADB của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh: Vốn vay nước ngoài khoảng 284 triệu USD.
5. Dự án “Hoàn thiện đê bao sông Măng Thít (giai đoạn 2) - Kè sông Hậu đoạn qua thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long” vay vốn AFD của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Vốn vay nước ngoài khoảng 107 triệu USD.
6. Dự án “Xây dựng các tuyến đường bộ nhằm cải thiện liên kết vùng Đông Nam của tỉnh Sóc Trăng và kết nối với tỉnh Bạc Liêu, Trà Vinh” vay vốn ADB của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Vốn vay nước ngoài khoảng 163 triệu USD.
7. Dự án “Hạ tầng giao thông đường bộ khu vực Nam sông Tiền, tỉnh Đồng Tháp” vay vốn ADB của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Vốn vay nước ngoài khoảng 122 triệu USD.
8. Dự án “Nâng cấp mở rộng đường ĐT.963 đoạn QL80-Vị Thanh qua huyện Tân Hiệp và huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang kết nối với huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ” vay vốn ADB của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang: Vốn vay nước ngoài khoảng 91 triệu USD.
9. Dự án “Đầu tư xây dựng đường bộ ven biển kết nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau” vay vốn KfW của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang: Vốn vay nước ngoài khoảng 79 triệu USD.

10. Dự án “Xây dựng hệ thống hồ trữ ngọt gắn với hạ tầng thủy lợi phục vụ liên kết sản xuất tiểu vùng Tứ giác Long Xuyên” vay vốn KEXIM của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang: Vốn vay nước ngoài khoảng 70 triệu USD.

11. Dự án “Đường ven biển đoạn đi qua tỉnh Bạc Liêu và đoạn nhánh kết nối đường Nam sông Hậu” vay vốn ADB của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu: Vốn vay nước ngoài khoảng 90 triệu USD.

12. Dự án “Đường ven biển đoạn đi qua tỉnh Cà Mau” vay vốn KEXIM của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau: Vốn vay nước ngoài khoảng 291 triệu USD.

13. Dự án “Chống chịu khí hậu và chuyển đổi tổng hợp vùng Đồng bằng sông Cửu Long tỉnh Tiền Giang” vay vốn IBRD (WB): Vốn vay nước ngoài khoảng 35 triệu USD.

14. Dự án “Chống chịu khí hậu và chuyển đổi tổng hợp vùng Đồng bằng sông Cửu Long tỉnh Bến Tre” vay vốn IBRD (WB): Vốn vay nước ngoài khoảng 31 triệu USD.

15. Dự án “Chống chịu khí hậu và chuyển đổi tổng hợp vùng Đồng bằng sông Cửu Long tỉnh Cà Mau” vay vốn IBRD (WB): Vốn vay nước ngoài khoảng 29 triệu USD.

16. Dự án “Chống chịu khí hậu và chuyển đổi tổng hợp vùng Đồng bằng sông Cửu Long tỉnh Đồng Tháp” vay vốn IBRD (WB): Vốn vay nước ngoài khoảng 29 triệu USD.

17. Dự án “Chống chịu khí hậu và chuyển đổi tổng hợp vùng Đồng bằng sông Cửu Long tỉnh Kiên Giang” vay vốn IBRD (WB): Vốn vay nước ngoài khoảng 37 triệu USD.

18. Dự án “Chống chịu khí hậu và chuyển đổi tổng hợp vùng Đồng bằng sông Cửu Long tỉnh Bạc Liêu” vay vốn IBRD (WB): Vốn vay nước ngoài khoảng 40 triệu USD.

19. Dự án “Chống chịu khí hậu và chuyển đổi tổng hợp vùng Đồng bằng sông Cửu Long tỉnh Sóc Trăng” vay vốn IBRD (WB): Vốn vay nước ngoài khoảng 25 triệu USD.

20. Dự án “Chống chịu khí hậu và chuyển đổi tổng hợp vùng Đồng bằng sông Cửu Long tỉnh Trà Vinh” vay vốn IBRD (WB): Vốn vay nước ngoài khoảng 40 triệu USD.

21. Dự án “Chống chịu khí hậu và chuyển đổi tổng hợp vùng Đồng bằng sông Cửu Long tỉnh Hậu Giang” vay vốn IBRD (WB): Vốn vay nước ngoài khoảng 40 triệu USD.

22. Dự án “Chống chịu khí hậu và chuyển đổi tổng hợp vùng Đồng bằng sông Cửu Long tỉnh An Giang” vay vốn IBRD (WB): Vốn vay nước ngoài khoảng 39 triệu USD.

23. Dự án “Phát triển mạng lưới giao thông vùng Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu - Dự án 1 (Nâng cấp, mở rộng QL 61C, đoạn qua địa phận thành phố Cần Thơ và Đường kết nối quận Ô Môn, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ với huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đoạn qua địa phận thành phố Cần Thơ)” vay vốn JICA của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ: Vốn vay nước ngoài khoảng 236 triệu USD.

24. Dự án “Nâng cấp mở rộng tuyến nối Cần Thơ - Hậu Giang (Quốc lộ 61C)” vay vốn JICA của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang: Vốn vay nước ngoài khoảng 147 triệu USD.

25. Dự án “Nâng cấp, cải tạo 03 tuyến Quốc lộ (53, 62, 91B) tại Đồng bằng sông Cửu Long” vay vốn WB của Bộ Giao thông vận tải: Vốn vay nước ngoài khoảng 262 triệu USD.

26. Dự án “Chống chịu khí hậu chuyển đổi tổng hợp vùng Đồng bằng sông Cửu Long” (MERIT) vay vốn WB của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Vốn vay nước ngoài là 214 triệu USD.

**\* Ghi chú:**

1. Số liệu về vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của các dự án là số dự kiến, sẽ được cập nhật trong quá trình chuẩn bị, phê duyệt dự án đầu tư, tối đa không vượt quá 20% theo nguyên tắc nêu tại khoản 3 Điều 2 của Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

2. Tên gọi và các nội dung cụ thể, mức vốn cụ thể của các dự án liên quan sẽ được thực hiện căn cứ theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, dự án đầu tư cụ thể.